

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Địa chỉ : 150 Đường 14/9 - Phường 5 - TP. Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 070. 3 822 533 - Fax: 070. 3 822 129

Website : www.pharimexco.com.vn

Email : pharimexco@hcm.vnn.vn

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5. Định hướng phát triển.....	6
6. Các rủi ro kinh doanh	6
II. NHÂN SỰ	7
1. Hội đồng quản trị.....	7
2. Ban Điều hành	8
3. Ban Kiểm soát.....	8
4. Thống kê nhân sự.....	8
5. Chính sách đối với người lao động.....	8
III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2015	9
A. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2015	9
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm	10
3. Hoạt động giám sát của HĐQT	12
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	12
5. Định hướng hoạt động 2016	13
B. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	14
I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015:	14
1. Kết quả sản xuất:.....	14
2. Kết quả kinh doanh:	15
3. Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D).....	17
4. Công tác quản lý chất lượng:.....	18
5. Công tác xã hội	18
6. Thành tích đạt được trong năm.....	18
II. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2016	18
1. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:.....	18
2. Mục tiêu:	19
3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch:	19
C. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	20
PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015:.....	20
Phần II: NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	23
PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2016 CỦA BAN KIỂM SOÁT	23
IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	23
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	24

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY**1. Thông tin khái quát**

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long
- Trụ sở chính : Số 150 đường 14/9, phường 5, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Mã Cổ phiếu : **DCL**
- Giấy CNĐKKD : Số 1500202535, cấp lần đầu ngày 09/11/2004, thay đổi lần 13 ngày 07/10/2015
- Vốn điều lệ : 201.189.600.000 đồng
- Điện Thoại : (070) 3 822 533
- Fax : (070) 3 822 129
- Website : www.pharimexco.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển**❖ Lịch sử hình thành:**

- Năm 1976: hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh được sáp nhập thành tỉnh Cửu Long, Xí nghiệp dược phẩm Cửu Long và Công ty dược phẩm Cửu Long ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, phân phối dược phẩm, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.
- Tháng 04/1984: Xí nghiệp dược Phẩm Cửu Long và Công ty dược phẩm Cửu Long sáp nhập thành Xí Nghiệp Liên hiệp Dược Cửu Long. Xí nghiệp có nhiệm vụ chính là sản xuất, lưu thông phân phối thuốc, chế biến thuốc và xuất nhập khẩu các mặt hàng dược phẩm.
- Năm 1992: tỉnh Cửu Long được chia tách thành hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Xí Nghiệp Liên hiệp dược phẩm Cửu Long cũng được tách ra làm 2, bao gồm công ty Dược Trà Vinh và Công ty Dược Cửu Long. Tháng 11 năm 1992, công ty Dược Cửu Long đổi tên thành Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long (Pharimexco).
- Tháng 09/2004: Công ty bắt đầu chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo chủ trương cổ phần hóa Doanh nghiệp của Chính phủ.
- Ngày 09/11/2004: Công ty có tên gọi mới là Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long. Vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng.

❖ Những cột mốc phát triển:

- Năm 1997: Công ty liên doanh với Hàn Quốc thành lập nhà máy sản xuất dụng cụ y tế Việt Nam - Hàn Quốc (gọi tắt là Vikimco), với công nghệ sản xuất thế hệ mới của Hàn Quốc.
- Năm 2000: liên doanh với đối tác Canada xây dựng nhà máy Vicancap, áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất Capsule (nang rỗng) các loại.
- Ngày 17/09/2008: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long chính thức trở thành công

ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch DCL.

- Năm 2015 Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T trở thành cổ đông lớn của Dược Cửu Long với tỷ lệ sở hữu hiện nay là 59,2%.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp: dược phẩm, viên nang cứng rỗng, các loại dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên liệu và các loại dược phẩm bào chế khác.
- ✓ Sản xuất các loại bao bì dùng trong ngành dược.
- ✓ Nuôi, trồng các loại dược liệu làm thuốc.
- ✓ Sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin.

❖ Các sản phẩm chính:

- ✓ Dược phẩm: viên, bột, cốm, capsule, dung dịch uống, tiêm, truyền, nhũ dịch.
- ✓ Capsule các loại (viên nang cứng rỗng).
- ✓ Dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm.
- ✓ Thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác.

❖ Địa bàn kinh doanh:

Trụ sở chính của công ty đặt tại số 150 đường 14/9, phường 5, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, các nhà máy sản xuất đều nằm trong tỉnh Vĩnh Long.

Địa bàn kinh doanh rộng khắp cả nước, ngoài ra công ty còn mở rộng thị trường xuất bán hàng sản xuất sang Campuchia, Lào, Myanmar và Nigeria.

Các chi nhánh và nhà phân phối đặt tại các tỉnh, thành lớn: Cần Thơ, Trà Vinh, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Long An, Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, TPHCM, Đồng Nai, Nghệ An, Đà Nẵng, Hà Nội, Thanh Hóa, Hải Phòng, Thái Bình, Gia Lai.

Ngoài ra còn có Trung tâm dược phẩm tại TP. Vĩnh Long phân phối hầu hết các đại lý trong tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài hệ thống nói trên công ty còn có 2.241 đại lý và Hiệu thuốc bán lẻ tại những vùng kinh tế, khu vực trên toàn quốc. Hiện công ty có trên 4.000 khách hàng của cả các nhóm hàng kinh doanh chính trong và ngoài nước.

Ngoài ra còn có 02 công ty con: Công ty TNHH 1 TV dược phẩm Mê Kông và Công ty TNHH 1 TV dược phẩm VPC-Sài Gòn.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị**

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

• **Các Công ty con**

Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mê Kông:

Địa chỉ: Số 56- 58 đường 3/2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác.

Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn:

Địa chỉ: Số 13 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, TP. HCM

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại, dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác.

• **Tóm tắt kết quả hoạt động của và tình hình tài chính của Công ty con, Công ty liên kết**

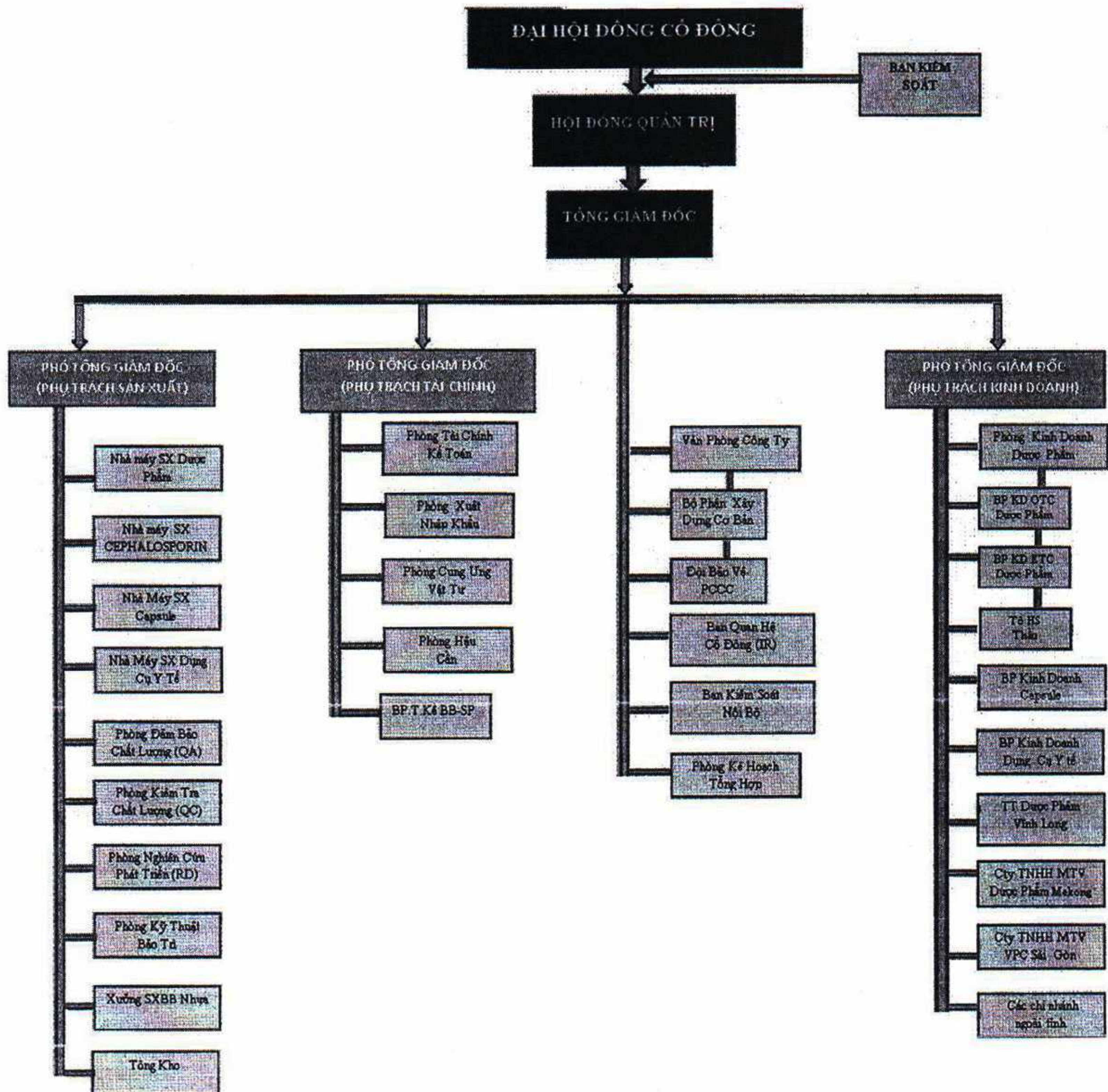
Đvt: Tỷ đồng

Tên Công ty	Doanh thu 2014	Doanh thu 2015	LNTT 2015	LNST 2015	LNST/Doanh thu	Tăng trưởng doanh thu
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mê Kông	2,55	1,17	-0,11	-0.11	0,09	-54,12
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	52,89	70,24	0,01	0,01	0	32,80

Nguồn: Công ty CP Dược phẩm Cửu Long

• Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nhiệm vụ chiến lược: xây dựng công ty trở thành một trong những công ty Dược phẩm quốc gia phát triển vững mạnh toàn diện, nổi bật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, nguyên liệu (capsule) và trang thiết bị, dụng cụ y tế. Tăng trưởng qua hàng năm 20% doanh thu, 50% lợi nhuận sau thuế.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

1. Xây dựng, nâng cấp các nhà máy sản xuất lên tiêu chuẩn GMP châu Âu
2. Mở rộng sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng.
3. Trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D).

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Về môi trường: nghiêm túc thực hiện các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh chất lượng sản phẩm, nâng cao công tác quản lý, giám sát, thực hiện sản xuất xanh, sạch, môi trường làm việc an toàn.

Đối với xã hội, cộng đồng: thường xuyên tham gia ủng hộ và hưởng ứng tích cực các phong trào xã hội từ thiện, giáo dục...thể hiện trách nhiệm của công ty với cộng đồng.

6. Các rủi ro kinh doanh

Rủi ro	Ảnh hưởng	Quản trị
Rủi ro kinh doanh	Các văn bản của các cơ quan quản lý, các quy định về quy trình sản xuất, nguồn gốc nguyên liệu đầu vào, quản lý giá bán, giá đấu thầu giảm...	Cơ cấu lại danh mục sản phẩm theo hướng tinh gọn, hiệu quả để định vị đúng thị trường, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm chủ lực đạt doanh thu, lợi nhuận cao. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới
Rủi ro Lãi suất	Lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng luôn có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay có lãi suất ưu đãi, giảm thiểu việc đi vay nhằm hạn chế rủi ro phát sinh từ việc trả lãi, chủ động và linh hoạt trong việc quay vòng vốn sản xuất, tránh bị động về vốn.
Rủi ro giá đầu vào	Giá cả các nguyên vật liệu chính nhập khẩu không ổn định, tỷ giá ngoại tệ biến động... và chi phí sản xuất tăng ảnh hưởng đến vấn đề kiểm soát chi phí, giá thành sản xuất.	Chủ động tìm các đối tác có nguồn cung ổn định và dồi dào, tránh rủi ro phát sinh về biến động giá nguyên liệu.
Rủi ro tỷ giá	Tỷ giá ngoại tệ trong năm tương đối ổn định, nhưng do khoảng 80% nguyên liệu	Chủ động trong việc dự báo tỷ giá, đồng thời xây dựng mối quan hệ bền

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long-DCL

	đầu vào của Công ty phải nhập khẩu. Ngoài ra, do công ty có xuất khẩu hàng sang Campuchia, Myanmar, Negeria nên biến động về tỷ giá cũng ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Cty.	vững với các ngân hàng nhằm được giải ngân nhanh chóng nguồn ngoại tệ khi cần thiết.
Rủi ro về các khoản phải thu	Rủi ro phát sinh khi đối tác không có khả năng thanh toán cho công ty, phải trích lập dự phòng nợ phải thu dẫn đến giảm lợi nhuận, gây tổn thất tài chính cho cty.	Công ty luôn tập trung mạnh thu hồi các khoản nợ, hạn chế thấp nhất nợ quá hạn, nợ khó đòi, qui định chặt chẽ về hạn mức nợ, thời hạn thanh toán.

II. NHÂN SỰ**1. Hội đồng quản trị****- Thành viên Hội đồng quản trị tính đến 31/12/2015:**

1. Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Lương Văn Hóa - Thành viên HĐQT
4. Bà Nguyễn Thùy Thương - Thành viên HĐQT
5. Ông Bùi Xuân Trung - Thành viên HĐQT

- Thành viên Hội đồng quản trị từ 05/3/2016 đến nay:

1. Ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Vũ Thành Lê - Thành viên HĐQT
4. Bà Nguyễn Thùy Thương - Thành viên HĐQT
5. Ông Bùi Xuân Trung - Thành viên HĐQT

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Nguyễn Văn Sang	1,64	- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty CP tập đoàn FIT - Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư F.I.T
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt		- Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư F.I.T - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
3	Ông Vũ Thành Lê		- Thành viên HĐQT Công ty CP đầu tư F.I.T
4	Bà Nguyễn Thùy Thương		Tổng Giám đốc Công ty CP dược phẩm Amigo Việt Nam Thành viên BKS Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long-DCL

5	Ông Bùi Xuân Trung	0,04	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP chứng khoán Đại Nam - Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
---	--------------------	------	--

2. Ban Điều hành

1. Ông LƯƠNG VĂN HÓA - Tổng Giám đốc
2. Ông TRỊNH QUỐC KHÁNH - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
3. Ông LƯU QUẾ MINH - Phó Tổng Giám đốc sản xuất
4. Ông NGUYỄN TOÀN THẮNG - Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
5. Bà TRẦN HUỆ NGA - Kế toán trưởng

3. Ban Kiểm soát***Thành viên Ban kiểm soát tính đến 31/12/2015:***

1. Ông PHÍ XUÂN TRƯỜNG - Trưởng ban
2. Bà ĐẶNG THỊ HƯƠNG - Thành viên
3. Ông PHẠM VIỆT DŨNG - Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát từ 05/3/2016 đến nay:

1. Ông PHÍ XUÂN TRƯỜNG - Trưởng ban
2. Ông HOÀNG THANH HẢI - Thành viên
3. Ông PHẠM VIỆT DŨNG - Thành viên

- Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Phí Xuân Trường		- Chuyên viên Quản lý Đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T - Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
2	Ông Hoàng Thanh Hải		- Chuyên viên đầu tư tại Công ty CP Đầu tư F.I.T - Trưởng BKS CTCP Chứng khoán Đại Nam
3	Ông Phạm Việt Dũng		- Chuyên viên đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T - Trưởng BKS Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

4. Thống kê nhân sự

Tổng số lao động hiện có của công ty năm 2015 là 958 người. Trong đó, trình độ sau đại học: 07 (0,73%); Đại học-cao đẳng 266 (27,77%); trung cấp: 355 (37,06%); sơ cấp và công nhân lành nghề: 330 (34,4%)

5. Chính sách đối với người lao động

- Về đào tạo:

Công ty luôn tập trung đầu tư công tác đào tạo và phát triển nhân lực. Thông qua công tác tuyển dụng công ty đã tuyển chọn đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, năng động, nhiệt tình với công việc. Công tác đào tạo và phát triển nhân lực luôn được thực hiện song song với công tác quản lý con người thông qua đánh giá kết quả công việc, làm cơ sở cho việc thực hiện trả lương hợp lý.

• **Chính sách lương thưởng:**

Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến cải tiến trong công việc để nâng cao thu nhập, tạo sự an tâm, gắn bó và nâng cao mức độ hài lòng của người lao động. Trong đó, tiền lương là một trong những chính sách quan trọng được Công ty đặt biệt quan tâm. Điển hình như: Đối với Khối quản lý: hưởng lương thời gian theo từng chức danh công việc; Khối kinh doanh: hưởng lương theo doanh số thực thu; Khối trực tiếp sản xuất: hưởng lương theo sản phẩm.

Khối sản xuất : người lao động trực tiếp sản xuất được hưởng lương theo sản phẩm trên kết quả lao động. Thời giờ làm việc tại Công ty và việc thanh toán chế độ làm ngoài giờ đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật lao động. Ngoài tiền lương, chế độ khen thưởng cũng là vấn đề được Công ty đặc biệt quan tâm như: thưởng tháng lương 13, thưởng đối với các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong trong năm,...

Về chế độ bảo hiểm: Công ty thực hiện nghiêm túc việc đóng BHYT, BHXH, BHTN ... cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động làm việc trong điều kiện có rủi ro.

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

A. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2015

Bên cạnh xu hướng phát triển nhanh của ngành dược do dược phẩm là sản phẩm không thể thay thế, là sản phẩm thiết yếu chăm sóc sức khỏe người dân...thì dược phẩm vẫn mang tính cạnh tranh cao do tỉ lệ nhập khẩu cao, chiếm khoảng 50% tổng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước.

Trước những thuận lợi và khó khăn trên, Ban lãnh đạo Công ty cố gắng tìm giải pháp, thay đổi chiến lược kinh doanh, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 mà Đại hội cổ đông đã thông qua, kết quả như sau:

Bảng tóm tắt so sánh thực hiện 2015 với cùng kỳ 2014 và kế hoạch 2015

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	Thực hiện 2015	So với kế hoạch 2015		So với năm 2014	
		Kế hoạch 2015	% hoàn thành	Thực hiện năm 2014	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần	669,57	840	80%	709,57	-6%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long-DCL

2. Giá vốn hàng bán	464,04			469,74	-1%
3. Lãi gộp	205,53			239,83	-14%
4. Tỷ lệ lãi gộp	31%			34%	-9%
5. Tổng chi phí	131,05			200,65	-35%
5a. Chi phí bán hàng	76,81			115,27	-33%
5b. Chi phí quản lý	40,22			63,21	-36%
5c. Chi phí tài chính	14,01			22,17	-37%
6. Lợi nhuận trước thuế	79,44			40,26	97%
7. Lợi nhuận sau thuế	60,62	50	121%	31,70	91%

(Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015)

(Thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2015, HĐQT đã chọn Công ty TNHH kiểm toán Vaco thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 cho công ty)

Mặc dù doanh thu đạt 80% so với kế hoạch nhưng lợi nhuận tăng 21% so với kế hoạch, thể hiện nỗ lực cao của HĐQT, các cán bộ quản lý cùng toàn thể người lao động trong công ty. Mục tiêu của HĐQT là lợi nhuận tăng trưởng cao qua hàng năm, duy trì niềm tin bền vững cho cổ đông đầu tư vào cổ phiếu Dược Cửu Long.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- Trong năm, HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện các vấn đề theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm đạt và vượt kế hoạch đề ra.
- Thực hiện tốt vai trò quản trị, thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo tháng, quý và theo yêu cầu, chỉ đạo các biện pháp giải quyết nhanh chóng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Luôn chú trọng việc thực hiện tốt các quy chế, quy trình và chỉ đạo hoàn thiện, bổ sung khi cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường tinh thần trách nhiệm trong toàn thể cán bộ-công nhân viên công ty.
- Thực hiện đúng chức năng theo Điều lệ Công ty và quy chế quản trị, đảm bảo các vấn đề đều căn cứ vào sự đồng thuận của của tất cả thành viên. Tổ chức họp HĐQT theo quy định, tham gia các cuộc họp giao ban trực tuyến hàng tháng, qua đó nắm bắt sát tình hình công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt chỉ tiêu theo kỳ vọng.
- Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm soát tại công ty, hỗ trợ tích cực Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành, cùng nỗ lực hoàn thành mục tiêu chung của công ty.
- Thực hiện công bố thông tin kịp thời cho cổ đông, thu hút đầu tư cổ phiếu lâu dài.

Các cuộc họp và nghị quyết HĐQT trong năm

- Các cuộc họp:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long-DCL

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	19	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch	18	94,7%	Vắng cuộc họp ngày 19/11/2014 do ngày 13/3/2015 ĐHCĐ bầu làm TV HĐQT
3	Ông Lương Văn Hóa	Thành viên	19	100%	
4	Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên	19	100%	
5	Bà Nguyễn Thùy Thương	Thành viên	5	26,3%	Do HĐQT bỏ nhiệm ngày 16/9/2015
6	Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	14	73.6%	Do HĐQT miễn nhiệm ngày 15/9/2015

- Các nghị quyết:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ.HĐQT	15/01/2015	Kế hoạch kinh doanh 2015
2	02/NQ.HĐQT	15/01/2015	Phương án tăng vốn điều lệ 2015
3	04/NQ.HĐQT	09/4/2015	V/v triển khai tăng vốn điều lệ đợt 1 (ESOP 2015)
4	05/NQ.HĐQT	09/4/2015	V/v thông qua tiêu chuẩn và danh sách CBCNV được mua cổ phiếu theo chương trình ESOP 2015
5	08/QĐ.CTD	16/4/2015	V/v thôi giữ chức vụ kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Văn Thanh Hải
6	04/QĐBN.CTD	17/4/2015	V/v bổ nhiệm bà Trần Huệ Nga giữ chức vụ kế toán trưởng
7	06/NQ.HĐQT	17/4/2015	V/v thông qua danh sách cổ đông hiện hữu của DCL chuyển nhượng cổ phần cho F.I.T
8	09/QĐ.CTD	11/5/2015	V/v thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Hữu Trung
9	11/QĐ.CTD	20/5/2015	V/v chọn đơn vị kiểm toán 2015
10	07/NQ.HĐQT	27/5/2015	V/v triển khai tăng vốn đợt 2, phát hành cho ĐHH tỉ lệ 1:1
11	08/NQ.HĐQT	27/5/2015	V/v thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu đợt 2
12	06/QĐBN.CTD	26/5/2015	V/v bổ nhiệm ông Lưu Quế Minh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc
13	09/NQ.HĐQT	26/5/2015	V/v đăng ký mở tài khoản phong tỏa
14	10/NQ.HĐQT	08/6/2015	V/v sửa đổi điều lệ: tăng vốn lên 100 tỷ
15	08/QĐBN.CTD	22/7/2015	V/v bổ nhiệm ông Trịnh Quốc Khánh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
16	12/NQ.HĐQT	26/8/2015	V/v triển khai tăng vốn đợt 3
17	13/NQ.HĐQT	26/8/2015	V/v tiêu chí và danh sách lựa chọn cổ đông chiến lược (tăng vốn đợt 3)
18	14/NQ.HĐQT	26/8/2015	V/v đăng ký tài khoản phong tỏa
19	15/QĐ.HĐQT	31/8/2015	V/v giải thể các chi nhánh huyện trong tỉnh Vĩnh Long
20	16/NQ.HĐQT	07/9/2015	V/v điều chỉnh danh sách đối tượng được chào bán đợt 3
21	17/NQ.HĐQT	15/9/2015	V/v xử lý cổ phiếu không bán hết của đợt 2
22	17/QĐBN.CTD	16/9/2015	V/v bổ nhiệm ông Nguyễn Toàn Thắng giữ chức

			vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty
23	40/QĐ.CTD	15/9/2015	V/v miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Minh Trang
24	20/QĐBN.CTD	16/9/2015	V/v bổ nhiệm bà Nguyễn Thùy Thương làm thành viên HĐQT
25	18/NQ.HĐQT	25/9/2015	V/v sửa đổi điều lệ: tăng vốn lên 201 tỷ
26	44/QĐ.CTD	05/10/2015	V/v giải thể Trung tâm CNTT
27	19/NQ.HĐQT	03/12/2015	V/v tạm hoãn phát hành đợt 3

3. Hoạt động giám sát của HĐQT

- HĐQT chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý triển khai thực hiện nghiêm túc các vấn đề theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.
- Có cơ chế giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc thông qua các nghị quyết, quyết định và các báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu.
- Đối với những vấn đề mang tính quan trọng, có ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, HĐQT đều tham khảo ý kiến của Ban điều hành làm cơ sở đi đến quyết định, tạo sự nhất quán cao trong quá trình thực hiện, đạt được hiệu quả như mong muốn.
- Luôn chú trọng: Công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm xuất xưởng, hạn chế thấp nhất sản phẩm bị thu hồi; Công tác thu hồi công nợ, kiểm soát chi phí...

Kết quả giám sát:

- Tổng Giám đốc thực hiện đúng chức năng điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo kịp thời các vấn đề đã thực hiện và đề xuất xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, tổ chức thực hiện tốt các nội dung theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, HĐQT.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy chế mà HĐQT đã ban hành và các nội dung quy định theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Thực hiện đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các quy định về chế độ đối với người lao động trong Công ty.
- HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, mặc dù luôn có sự cạnh tranh khốc liệt giữa các trong ty dược trong nước và nước ngoài nhưng đội ngũ quản lý luôn nắm bắt tình hình thị trường cũng như tuân thủ các quy định về sản xuất để giữ vững và phát triển hoạt động, phấn đấu hết mình hoàn thành mục tiêu chung, thu hút cổ đông và nhà đầu tư đầu tư vào cổ phiếu của Dược Cửu Long.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

• Thù lao:

Thực hiện kế hoạch chi trả thù lao đã được Đại hội cổ đông phê duyệt, công ty thực hiện chi trả năm 2015 như sau:

+ Hội đồng quản trị: Chủ tịch: 5.000.000 đồng/tháng, thành viên: 4.000.000 đồng/tháng.
Tổng chi trả năm 2015: 252.000.000 đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long-DCL

+ Ban kiểm soát: Trưởng ban: 3.000.000 đồng/tháng, thành viên: 1.500.000 đồng/tháng.
 Tổng chi trả : 72.000.000 đồng.

• **Các giao dịch:**

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Giao dịch		Số CP	Tỷ lệ	Ghi chú
			Đầu kỳ	Giảm (-)	Tăng (+)	Cuối kỳ	(%)	
1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	165,320	-	165,320	330,640	1.64	
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-	-	
3	Lương Văn Hóa	Thành viên HĐQT	179,324	100,000	88,500	167,824	0.83	
4	Nguyễn Thùy Thương	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	
5	Bùi Xuân Trung	Thành viên HĐQT	-	-	8,800	8,800	0.04	
6	Phí Xuân Trường	Trưởng Ban KS	-	-	-	-	-	
7	Đặng Thị Hương	Thành viên BKS	6,464	-	2,600	9,064	0.05	
8	Phạm Việt Dũng	Thành viên BKS	-	-	-	-	-	
9	Lương Văn Hóa	Tổng Giám đốc	179,324	100,000	88,500	167,824	0.83	
10	Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc kiêm GD tài chính	-	-	8,800	8,800	0.04	
11	Nguyễn Toàn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-	-	
12	Lưu Quế Minh	Phó Tổng Giám đốc	5,708	5,700	5,208	5,216	0.03	
13	Trần Huệ Nga	Kế toán trưởng	-	-	2,600	2,600	0.01	

5. Định hướng hoạt động 2016

Dược Cửu Long sẽ tập trung đầu tư sản xuất, nghiên cứu sản phẩm mới, xây dựng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, cố gắng đạt mục tiêu, đưa công ty phát triển lên tầm cao mới.

Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2016 như sau:

- Doanh thu thuần: 850 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 82 tỷ đồng
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Hội đồng quản trị sẽ tăng cường vai trò quản lý, giám sát, hỗ trợ tối đa công tác chỉ đạo điều hành, sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, tạo niềm tin bền vững, hài hòa lợi ích cổ đông và người lao động.

B. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015:****1. Kết quả sản xuất:***Đơn vị tính: Triệu sản phẩm*

Nhóm sản phẩm	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2015	% Thực hiện kế hoạch 2015	Thực hiện năm 2014	Tăng/giảm so với năm 2014
Dược phẩm	1.076	1.083	99%	1.108	-3%
Capsule	3.453	3.500	99%	3.416	1%
Dụng cụ y tế	84	90	93%	94	-11%
Tổng	4.613	4.673	99%	4.618	0%

Các nhà máy của Công ty hoạt động theo hệ thống quản lý chất lượng GMP-WHO, ISO 9001:2008, ISO 27001:2005, ISO 13485:2003. Cán bộ kỹ thuật ở các nhà máy luôn nghiên cứu cải tiến trong sản xuất, tăng sản lượng, tiết kiệm chi phí, giảm tiêu hao vật tư.

- Sản xuất dược phẩm: đạt 1.076 triệu sản phẩm hoàn thành 99% kế hoạch năm, giảm 3% so với cùng kỳ do chủ trương của HĐQT năm 2015 tập trung đầu tư sản xuất nhóm hàng chủ lực, giá trị cao như: các dạng sản phẩm sủi bọt, sản phẩm hệ điều trị thuộc nhóm thuốc tim mạch, huyết áp, đái tháo đường, kháng virus...tuy sản lượng thấp nhưng có giá trị và lợi nhuận rất cao và ít đối thủ cạnh tranh. Với chủ trương tái cơ cấu danh mục hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh, trong năm Công ty đã mạnh dạn đầu tư hàng loạt máy móc thiết bị hiện đại với mục đích tự động hóa, cơ giới hóa trong sản xuất như: máy ép vỉ xé tự động công suất cao chuyên ép vỉ viên sủi bọt, máy gói viên sủi bọt tự động, máy ép gói thuốc bột sủi bọt, máy đóng nang, dây chuyền máy in date, sang cuộn.. đồng thời đầu tư mở rộng thêm dây chuyền sản xuất thuốc sủi bọt với công suất tăng gấp đôi nhằm tối ưu hóa trong sản xuất. Song song việc đầu tư dây chuyền, thiết bị, Công ty còn đầu tư cải tạo, thuê thêm kho bãi và đã sắp xếp lại toàn bộ hệ thống kho chứa, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ sản xuất hiệu quả hơn.

- Sản xuất Capsule: đạt 3.453 triệu sản phẩm hoàn thành 99% kế hoạch năm, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2014. Để duy trì thị phần trong năm qua nhà máy được trang bị mới 01 bộ khuôn làm viên nang cỡ số 0 với tính năng ưu việt so với các bộ khuôn trước đây, nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó nhà máy cũng được đầu tư nâng cấp hệ thống truyền động của các dây chuyền sản viên nang nhằm nâng cao tính ổn định cho thiết bị, giảm sự cố đột xuất.

- Sản xuất dụng cụ y tế: đạt 84 triệu sản phẩm hoàn thành 93% so với kế hoạch. Trong năm, nhà máy đã thử và đưa vào sử dụng nguyên liệu của các nhà cung ứng mới như Silicone, nhựa, E.O gas, thân kim nhằm tăng chất lượng sản phẩm, giảm giá thành sản xuất tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm. Ngoài ra trong năm 2015 nhà máy cũng đã sản

xuất và đưa ra thị trường sản phẩm ống bơm tiêm 1cc Insulin nhằm phục vụ cho bệnh nhân tiểu đường tít 1.

2. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	Thực hiện 2015	So với kế hoạch 2015		So với năm 2014	
		Kế hoạch 2015	% hoàn thành	Thực hiện năm 2014	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần	669,57	840	80%	709,57	-6%
2. Giá vốn hàng bán	464,04			469,74	-1%
3. Lãi gộp	205,53			239,83	-14%
4. Tỷ lệ lãi gộp	31%			34%	-9%
5. Tổng chi phí	131,05			200,65	-35%
5a. Chi phí bán hàng	76,81			115,27	-33%
5b. Chi phí quản lý	40,22			63,21	-36%
5c. Chi phí tài chính	14,01			22,17	-37%
6. Lợi nhuận trước thuế	79,44			40,26	97%
7. Lợi nhuận sau thuế	60,62	50	121%	31,70	91%

(Theo BCTC hợp nhất năm 2015 do Công ty TNHH kiểm toán Vaco thực hiện)

a. Doanh thu thuần:

Tổng doanh thu thuần thực hiện năm 2015 đạt 669,57 tỷ đồng, giảm 6% so với năm 2014, đạt 80% kế hoạch năm 2015.

Nhóm hàng	Thực hiện 2015 (tỷ đồng)	Kế hoạch 2015 (tỷ đồng)	% hoàn thành kế hoạch
Dược phẩm	409,39	520	79%
Capsule	166,31	190	88%
Vikimco	55,63	80	70%
Hàng ngoài	38,24	50	76%
Tổng	669,57	840	80%

- **Kinh doanh dược phẩm:** chiếm 61% tổng doanh thu toàn công ty, đạt 79% kế hoạch năm. Trong năm công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu danh mục sản phẩm, nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi hệ thống bán hàng trên toàn quốc, xây dựng chương trình, chính sách bán hàng ưu đãi, hấp dẫn, phát triển mạnh mẽ bán OTC và ETC.

- **Kinh doanh capsule:** chiếm 25% tổng doanh thu toàn công ty, đạt 88% kế hoạch năm, nguyên nhân là do trong năm capsule chịu cạnh tranh về giá. Tuy nhiên Công ty đã xây dựng các chính sách bán hàng linh động, hấp dẫn giữ chân khách hàng và khai thác khách hàng mới. Song song đó, kết hợp các lợi thế so sánh: thời gian cung ứng nhanh,

trang bị thêm máy móc mới (viên nang Capsule có hai khắc nổi, nang có in logo..), kết hợp trao đổi hàng với các đối tác, lô sản xuất đáp ứng yêu cầu của khách hàng, màu sắc nang đẹp, đa dạng... Capsule là đối tác chiến lược với nhiều Công ty Dược lớn trong nước, tạo tiền đề phát triển ổn định trong những năm tiếp theo.

- **Kinh doanh dụng cụ y tế:** Chiếm 8% tổng doanh thu toàn công ty, hoàn thành 70% kế hoạch năm, hàng dụng cụ y tế chủ yếu bán vào các bệnh viện nên chịu ảnh hưởng về quy định chấm thầu theo Thông tư 01.

- **Kinh doanh hàng ngoài:** chiếm 6% tổng doanh thu năm 2015, hoàn thành 76% kế hoạch năm.

b. Chi phí hoạt động trong năm:

Tổng chi phí trong năm 2015 là 131,05 tỷ đồng, giảm 35% so với năm 2014, cụ thể:

- Chi phí quản lý giảm 22,99 tỷ đồng, tương ứng giảm 36% so với cùng kỳ 2014.

- Chi phí bán hàng giảm 38,45 tỷ đồng, tương ứng giảm 33% so với năm 2014.

- Chi phí tài chính giảm 8,16 tỷ đồng, tương ứng giảm 37% so với năm 2014.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Công ty quản lý tốt dòng tiền, giảm được số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng, đồng thời công ty đã tìm kiếm được các nguồn tài trợ có mức lãi suất thấp làm giảm chi phí tài chính.

- Do thay đổi chính sách bán hàng, giảm được chi phí bán hàng, tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

c. Lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế đạt 121% kế hoạch năm, tăng 28,92 tỷ đồng, tương ứng tăng 91% so với năm 2014.

d. Tình hình tài sản - công nợ

Tình hình tài sản

Năm 2015 tổng giá trị tài sản của Công ty là 780,6 tỷ đồng tăng 187,3 tỷ đồng so với năm 2014 tương đương tăng 32%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 191,8 tỷ đồng, tăng 48,6% và tài sản dài hạn giảm 3,6 tỷ đồng, giảm 1,8%.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho tăng 22,3 tỷ đồng tương ứng 12,7% so với năm 2014, nguyên nhân do Công ty đảm bảo trữ lượng hàng cần thiết để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Các khoản phải thu

Tiếp tục thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản phải thu khách hàng lớn và các khoản khó đòi, kết quả Công ty vẫn duy trì sự ổn định của các khoản phải thu đạt 172,3 tỷ đồng so với 195,8 tỷ đồng của năm 2014. Khả năng chuyển đổi các khoản nợ phải thu sang tiền mặt hoặc tiền gửi cao

hơn, điều này giúp cho Công ty có thêm nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Nợ phải trả

Ghi nhận vào ngày 31/12/2015 cho thấy tổng số nợ phải trả của Công ty giảm mạnh hơn 74 tỷ đồng tương đương giảm 25,9% so với năm 2014, trong đó nợ ngắn hạn giảm 76 tỷ đồng tương ứng giảm 27%. Nợ dài hạn của Công ty tăng 1,9 tỷ đồng đạt mức 6,7 tỷ.

e. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	Bình quân
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,20	1,39	2,84	1,81
Hệ số thanh toán nhanh	0,66	0,77	1,88	1,11
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)				
Nợ/Tổng TS	54,23%	48,49%	27,30%	43,34%
Vay/Tổng TS	41,14%	36,99%	15,98%	32,37%
Nợ/VCSH	118,47%	94,15%	37,56%	83,39%
Chỉ tiêu về tăng trưởng (%)				
Tăng trưởng DTT	10,25%	5,19%	-5,64%	3,27%
Tỷ lệ giá vốn/DTT	68,35%	66,20%	69,30%	67,95%
Tỷ lệ doanh thu tài chính/DTT	0,06%	0,03%	0,53%	0,21%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay các khoản phải thu	3,06	3,71	3,64	3,47
Vòng quay các khoản phải trả	1,27	1,51	1,84	1,54
Vòng quay hàng tồn kho	2,70	2,66	2,49	2,62
Doanh thu thuần/Tổng TS	1,10	1,20	0,86	1,05
Chỉ tiêu về lợi nhuận				
LNST/DTT	4,49%	4,47%	9,05%	6,00%
LNST/VCSH	10,82%	10,37%	10,68%	10,62%
LNST/Tổng TS	4,95%	5,34%	7,77%	6,02%
LN từ HĐKD/DTT	5,66%	5,55%	11,66%	7,63%

Nguồn: Pharimexco

3. Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D)

Thực hiện nhiệm vụ chính về nghiên cứu và phát triển sản phẩm, giải quyết các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong quá trình sản xuất, cải thiện công thức bào chế, nâng cao chất lượng sản phẩm theo nhu cầu thị trường.

Kết quả hoạt động:

- Sản xuất Pilot 112 lô, sản xuất qui mô công nghiệp 261 lô.
- Đã gửi đến cục quản lý Dược:
 - + 17 bộ hồ sơ đăng ký mới.
 - + 15 bộ hồ sơ tái đăng ký.
 - + 16 bộ hồ sơ xin đăng ký gia hạn hiệu lực số đăng ký.
 - + 4 bộ hồ sơ đăng ký Thực phẩm chức năng.

- + 13 bộ hồ sơ bổ sung quy cách theo yêu cầu kinh doanh.
- + 42 bộ hồ sơ bổ sung góp ý của Cục quản lý Dược.
- + 1 bộ hồ sơ xin giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho nhà máy Capsule.
- Đã được cấp số đăng ký cho 7 sản phẩm.
- Được cục ATTP-BYT cấp số cho 2 sản phẩm thực phẩm chức năng.

4. Công tác quản lý chất lượng:

- Cùng với Quacert tổ chức, đánh giá giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, ISO 13485:2003.
- Tham dự lớp tập huấn chuyển đổi ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015 do Quacert tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đề nghị Quacert xem xét, phê duyệt cấp giấy chứng nhận duy trì hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 13485:2003.
- Tiếp đoàn chuyên gia tư vấn GMP EU, trao đổi, học tập kinh nghiệm sau khi các chuyên gia tư vấn tham quan thực tế tại Nhà máy Dược phẩm, Phòng QC, Kho công ty.

5. Công tác xã hội

Công ty luôn ủng hộ và hưởng ứng tích cực các phong trào xã hội, từ thiện, giáo dục tại địa phương.

Trong năm vận động người lao động đóng góp quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ tấm lòng vàng, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng...với số tiền 437.027.273 đ.

6. Thành tích đạt được trong năm

Năm	Hình thức	Nội dung	Cơ quan ra quyết định	Quyết định số	Ngày
2014	Chứng nhận	Doanh nghiệp văn hoá có nhiều đóng góp cho xã hội	TT. Văn hoá doanh nhân	26/2015	12/03/2015
2015	Cờ đơn vị thi đua xuất sắc	Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, dẫn đầu cụm khối thi đua năm 2014	UBND tỉnh Vĩnh Long	438/QĐ-UBND	26/03/2015
2015	Giải thưởng	Sản phẩm FURACIN 125 giải thưởng Ngôi sao thuốc Việt lần 1	Bộ trưởng Bộ Y tế	1332/QĐ-BYT	14/04/2015
2015	Giải thưởng	Giải thưởng Ngôi sao thuốc Việt lần 1	Bộ trưởng Bộ Y tế	1332/QĐ-BYT	14/04/2015

II. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2016

1. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2015 và dự báo về thị trường của các nhóm hàng, trên cơ sở được sự phê duyệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc lập kế hoạch kinh doanh năm 2016 dự kiến như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Khoản mục	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2015	Tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần	850	669,57	180,43	27%
Lợi nhuận sau thuế	82	60,62	21,38	35%

2. Mục tiêu:

Thực hiện chiến lược kinh doanh hiệu quả hướng tới mục tiêu trở thành công ty dược phẩm hàng đầu trong ngành Dược phẩm tại Việt Nam, phát triển toàn diện, nổi bật trong lĩnh vực dược phẩm, capsule, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng. Tăng trưởng hàng năm 20% doanh thu, 50% lợi nhuận sau thuế.

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch:

a. Về sản xuất:

* *Sản xuất dụng cụ y tế*: Năm 2016 nhà máy nghiên cứu và đưa vào sản xuất sản phẩm mới là kim luân tĩnh mạch, Nhà máy được đầu tư các máy móc thiết bị tự động để thay thế các khâu sản xuất thủ công nhằm tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất; đầu tư mới các bộ khuôn 20cc, khuôn đệm cao su 1cc với thiết kế mới có nhiều ưu điểm hơn, năng suất cao nhằm giảm giá thành sản xuất đồng thời đáp ứng đủ hàng hóa cho kế hoạch sản xuất. Ngoài ra trên cơ sở máy móc thiết bị hiện có nhà máy sẽ nghiên cứu sản xuất thêm một số sản phẩm như ống tuýp, chai lọ và các bao bì nhựa khác phục vụ cho đóng gói dược phẩm và bơm tiêm.

* *Sản xuất dược phẩm*:

- Tập trung các mặt hàng chủ lực có lợi nhuận cao. Phối hợp bộ phận kinh doanh nghiên cứu sản phẩm để phát triển thị trường.

- Luôn duy trì công tác nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm vật tư tiêu hao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong sản xuất theo đúng các tiêu chuẩn GMP-WHO, ISO 9001: 2008, ISO IEC 17025...

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Nghiên cứu, nâng cấp nhà máy sản xuất dược phẩm lên tiêu chuẩn PIC/S-GMP hoặc GMP EU gia tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.

* *Sản xuất Capsule*: nghiên cứu mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại, tự động hóa một số máy móc phục vụ tối ưu sản xuất.

b. Về kinh doanh:

b.1- Dụng cụ y tế năm 2016 đẩy mạnh doanh thu; phát triển thêm sản phẩm mới; định vị lại thị trường, sản phẩm chủ lực nhằm đạt kế hoạch kinh doanh 100 tỷ năm 2016.

b.2- Dược phẩm:

- Phát triển và hoàn thiện mạng lưới chi nhánh và nhà phân phối rộng khắp 64 tỉnh thành, mục tiêu tăng độ phủ lên đến 15.000 nhà thuốc trên toàn quốc trong năm 2016. Tuyển dụng đội ngũ sale & marketing có năng lực, nhiều kinh nghiệm trong ngành hàng FMCG để xây dựng hệ thống.

- Xây dựng danh mục các sản phẩm chủ lực, tập trung vào các mặt hàng có sản lượng và doanh số lớn, các mặt hàng thị trường đang có nhu cầu cao.

- Xây dựng chính sách bán hàng ổn định, phù hợp với thị trường.

b.3- Capsule: khai thác thêm khách hàng, tăng độ phủ, tăng thị phần, ký hợp đồng với tất cả các khách hàng lớn trên cả nước và một số khách hàng nước ngoài.

c. Về quản trị tài chính:

- Quản lý tốt dòng tiền, kiểm soát chi phí hợp lý, hiệu quả.

- Luôn chú trọng công tác thu hồi công nợ.

- Kiểm soát hợp lý, hiệu quả các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhất là chi phí đầu vào, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định về tiêu chuẩn sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ công ty.

d. Về định hướng nghiên cứu và phát triển sản phẩm:

Tập trung nghiên cứu nhóm các sản phẩm sủi bọt (effervescent products); nhóm các sản phẩm điều trị huyết áp - tim mạch; nhóm các sản phẩm kháng sinh Cephalosporin.

e. Về quản lý điều hành:

- Thực hiện tốt nghị quyết Đại hội cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả, tối đa hóa lợi ích cổ đông.

- Tăng cường công tác quan hệ nhà đầu tư, cung cấp thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh kịp thời, thiết lập mối quan hệ lâu dài với cổ đông, nhà đầu tư.

- Thực hiện tốt các quy chế, quy trình quản trị công ty, nâng cao công tác quản lý điều hành tại công ty.

- Tuân thủ các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước, của Cục quản lý dược.

C. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát tính đến 31/12/2015:

1. Ông PHÍ XUÂN TRƯỜNG - Trưởng ban

2. Bà ĐẶNG THỊ HƯƠNG - Thành viên

3. Ông PHẠM VIỆT DŨNG - Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát từ 05/3/2016 đến nay:

1. Ông PHÍ XUÂN TRƯỜNG - Trưởng ban
2. Ông HOÀNG THANH HẢI - Thành viên
3. Ông PHẠM VIỆT DŨNG - Thành viên

- Hoạt động của Ban kiểm soát

- Năm 2015, Ban Kiểm soát Công ty đã triển khai và nghiêm túc thực hiện việc giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị của Ban Điều hành.
- Chủ động lập kế hoạch kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo qui định của pháp luật và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng Ban chuyên môn trong công việc.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và tham gia ý kiến trong việc giám sát hoạt động của công ty trong các cuộc họp.
- Tổ chức phân công, phân nhiệm trong Ban Kiểm soát để phát huy tối đa việc chủ động trong công tác kiểm soát tại Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin.
- Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty đã ban hành.

Thông qua các hoạt động kiểm soát hoạt động và thẩm định báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động kiểm soát cho Đại hội đồng Cổ đông với nội dung chi tiết như sau:

1. Kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, trong công tác thống kê và lập báo cáo tài chính, cụ thể:
 - Ban Kiểm Soát đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành Công ty, trao đổi thường xuyên với HĐQT và Ban Điều Hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nghị quyết đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua 2015.
- Trên cơ sở đó, Ban Kiểm Soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban Điều Hành đã tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý liên quan tới

hoạt động SXKD cũng như phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

- Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty.
- Ban Điều Hành đã bám sát các quyết sách này để triển khai các công việc cụ thể. HĐQT và Ban Điều Hành cùng với sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ nhân viên của Công ty đã vượt qua khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh hết sức ấn tượng, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra.
- Ban Kiểm Soát chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm pháp luật của HĐQT và Ban điều hành.
- Đối với tổ chức công tác kế toán:
 - Công tác kế toán đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.
 - Công tác kế toán kịp thời đã giúp HĐQT và Ban điều hành có những quyết định phù hợp kịp thời với hoạt động SXKD.
 - Ban Kiểm Soát chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính, kế toán trong kỳ.

2. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 2015.

- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT cho đại hội cổ đông.
- Ban Kiểm Soát đánh giá báo cáo đã đảm bảo tính tuân thủ cao đối với các quy định hiện hành về nội dung báo cáo và thời gian lập báo cáo.
- Ban Kiểm Soát thống nhất với số liệu trong báo cáo tài chính kiểm toán 2015.

3. Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành.

- Ban Kiểm Soát nhận thấy các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều Hành phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, cũng như đã thể hiện được mục tiêu của đại hội đồng cổ đông 2015 đề ra.
- Ban Kiểm Soát không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ Công ty nào của các thành viên HĐQT, Ban Điều Hành.
- Ban Kiểm Soát nhất trí với nội dung báo cáo KQKD năm 2015 của Ban Điều Hành.

4. Ý kiến Cổ đông.

- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền dự đại hội, Ban Kiểm Soát chưa nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Điều Hành, Ban Kiểm Soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Phần II: NHẬN XÉT VÀ Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Với tinh thần trách nhiệm xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao cho, Ban Kiểm Soát luôn phối hợp trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT, Ban Điều Hành trong việc xây dựng các quy chế, nghị quyết, quyết định.
2. Năm 2015, HĐQT và Ban Điều Hành đã phấn đấu vượt qua khó khăn và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông 2015 đề ra.
 - Phát huy kết quả đạt được trong năm 2015, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu 2016, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, Ban kiểm soát kiến nghị một số việc sau:
 - HĐQT, Ban Điều Hành kịp thời đưa ra các chính sách đảm bảo tính cạnh tranh, qua đó khuyến khích các bộ phận kinh doanh phát triển.
 - HĐQT và Ban Điều Hành kịp thời đưa ra chính sách đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh.

PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2016 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2016 tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của công ty. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trình Đại hội cổ đông.
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành công ty, đảm bảo sự tuân thủ của HĐQT và Ban điều hành đối với các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 20.118.960 cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 17/02/2016)

- **Thông tin chi tiết về cổ đông lớn**

Tt	Tên cổ đông	CMND/ GPKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Đầu tư F.I.T	102182140	Tầng 16 Center Building, Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn	11.909.580	59,20	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long-DCL

		Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội			
	Cộng			11.909.580	59,20

- *Thông tin về cơ cấu cổ đông trong nước*

Cơ cấu vốn cổ đông Trong nước	Số lượng	Cổ phần năm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ Lệ (%)
Cổ đông là tổ chức trong nước	20	11.923.036	119.230.360.000	59,26
Cổ đông cá nhân trong nước	1.067	7.003.944	70.039.440.000	34,81
Cộng	1.087	18.926.980	189.269.800.000	94,08

- *Cổ đông nước ngoài*

Cơ cấu vốn cổ đông nước ngoài	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông là tổ chức nước ngoài	59	223.680	2.236.800.000	1,11
Cổ đông cá nhân nước ngoài	8	968.300	9.683.000.000	4,81
Cộng	67	1.191.980	11.919.800.000	5,92

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán 2015 được đính kèm theo báo cáo này.



TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯƠNG VĂN HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

150 Đường 14/9, Phường 05, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	
Ông Lưu Quế Minh	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 13/3/2015
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 15/9/2015
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 13/3/2015
Ông Lương Văn Hóa	Thành viên	
Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Thương	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 15/9/2015

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lương Văn Hóa	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 11/5/2015
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 15/9/2015
Ông Lưu Quế Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 26/5/2015
Ông Trịnh Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 22/7/2015
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 16/9/2015

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lương Văn Hóa
Tổng Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 02 năm 2016

SỐ: 006/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/02/2016, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)


Ý kiến của Kiểm toán viên

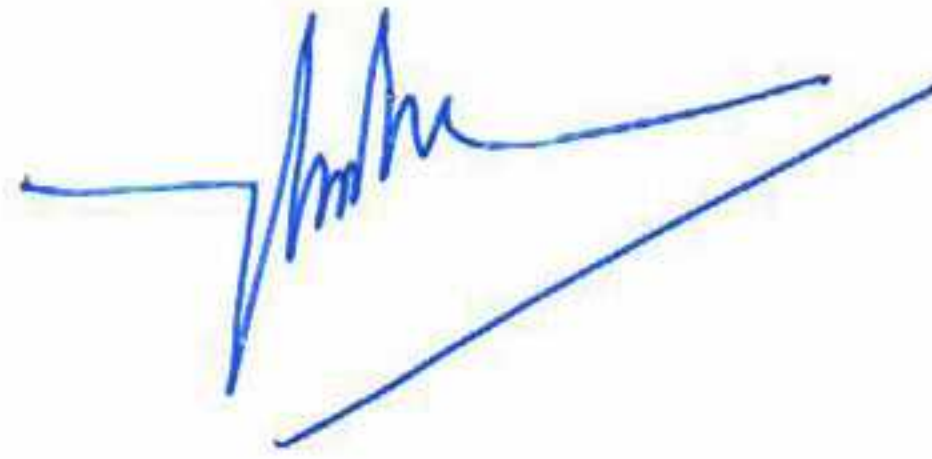
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 61001662/16997963-HN ngày 09/3/2015 được phát hành với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.




Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1



Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2014-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		586.159.183.855	394.441.177.261
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.248.702.947	18.363.025.964
1. Tiền	111	5	13.248.702.947	18.363.025.964
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	200.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		200.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.370.117.912	195.864.822.413
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	188.849.214.877	235.421.009.628
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.679.047.632	2.381.122.601
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.337.489.119	10.413.687.083
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(39.495.633.716)	(52.350.996.899)
IV. Hàng tồn kho	140	10	197.756.278.329	175.333.226.629
1. Hàng tồn kho	141		203.572.540.469	187.135.777.354
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.816.262.140)	(11.802.550.725)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.784.084.667	4.880.102.255
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.942.711.812	4.119.471.948
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		456.966.842	407.088.375
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	384.406.013	353.541.932
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		194.464.631.490	198.912.568.129
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	120.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		185.397.788.755	192.552.347.168
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	164.923.538.369	175.028.180.541
- Nguyên giá	222		444.269.453.137	436.903.407.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(279.345.914.768)	(261.875.227.316)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	20.474.250.386	17.524.166.627
- Nguyên giá	228		20.721.009.227	17.710.139.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(246.758.841)	(185.972.600)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	84.458.000	154.398.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		84.458.000	154.398.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.862.384.735	6.205.822.961
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.404.673.314	1.777.939.008
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	3.457.711.421	4.427.883.953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		780.623.815.345	593.353.745.390

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		213.125.415.366	287.730.471.306
I. Nợ ngắn hạn	310		206.411.992.165	282.837.285.928
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	31.226.695.262	42.602.958.178
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		640.349.291	664.447.590
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.605.495.665	4.757.051.036
4. Phải trả người lao động	314		11.161.992.325	6.758.339.971
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.723.067.356	7.171.308.438
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	687.694.502	1.427.618.365
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	145.803.655.507	219.455.562.350
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.563.042.257	-
II. Nợ dài hạn	330		6.713.423.201	4.893.185.378
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	4.346.223.796	4.893.185.378
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	2.367.199.405	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		567.498.399.979	305.623.274.084
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	567.498.399.979	305.623.274.084
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		201.189.600.000	99.136.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		201.189.600.000	99.136.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		211.289.466.990	110.087.161.661
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.017.858.890	9.017.858.890
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		55.633.988.291	55.633.988.291
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.569.527.243	31.727.178.392
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.949.106.109	-
- LNST chưa phân phối năm này	421b		60.620.421.134	31.727.178.392
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		20.166.850	20.166.850
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(1.222.208.285)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		780.623.815.345	593.353.745.390



Lương Văn Hóa
Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Lâm Minh Thương
Người lập biểu

Trần Huệ Nga
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	674.391.957.974	719.712.874.170
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	4.827.271.783	10.148.242.229
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		669.564.686.191	709.564.631.941
4. Giá vốn hàng bán	11	25	464.036.848.489	469.738.251.559
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		205.527.837.702	239.826.380.382
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	3.566.152.336	234.580.734
7. Chi phí tài chính	22	28	14.010.412.507	22.170.827.742
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.604.234.445	21.740.848.781
8. Chi phí bán hàng	25	29	76.813.435.864	115.266.067.775
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	40.220.695.796	63.208.211.161
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		78.049.445.871	39.415.854.438
11. Thu nhập khác	31		1.562.265.890	1.353.500.261
12. Chi phí khác	32		169.019.576	509.970.837
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.393.246.314	843.529.424
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		79.442.692.185	40.259.383.862
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	17.852.379.087	9.810.817.188
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	16	970.172.532	(1.251.555.436)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		60.620.140.566	31.700.122.110
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		60.620.421.134	31.700.122.110
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(280.568)	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	31	4.817	2.996



Lương Văn Hóa
Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Lâm Minh Thương
Người lập biểu

Trần Huệ Nga
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	79.442.692.185	40.259.383.862
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	19.447.174.574	21.497.620.019
- Các khoản dự phòng	3	11.639.986.977	6.999.212.725
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	49.212.716
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(3.329.078.757)	(60.290.680)
- Chi phí lãi vay	6	12.604.234.445	21.740.848.781
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu động	8	119.805.009.424	90.485.987.423
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	11.439.146.085	(732.803.255)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(22.166.200.184)	(3.217.951.739)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.687.161.912)	(8.312.113.437)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.180.747.570)	(1.990.249.467)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.604.234.445)	(21.887.871.825)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(15.090.630.559)	(13.132.180.595)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.105.044.451
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(436.957.743)	(506.181.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	72.078.223.096	42.811.680.187
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.491.902.761)	(2.830.618.001)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	270.100.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.058.978.757	60.290.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(209.162.824.004)	(2.770.327.321)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	203.254.985.329	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	521.855.507.001	505.917.790.130
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(593.140.214.439)	(538.113.431.401)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.948.215.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	131.970.277.891	(38.143.856.471)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.114.323.017)	1.897.496.395
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.363.025.964	16.469.893.187
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(4.363.618)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	13.248.702.947	18.363.025.964



Lương Văn Hóa
Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Lâm Minh Thương
Người lập biểu

Trần Huệ Nga
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Dược và Vật tư Y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09/8/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09/11/2004 và thay đổi lần thứ 13 ngày 07/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 07 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 201.189.600.000 VND, tương đương 20.118.960 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DCL.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2015 là 924 người (tại ngày 01/01/2015 là 940 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Bán buôn thực phẩm và chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ, các sản phẩm từ plastic;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Xuất bản phần mềm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh, giấy nhãn, bla nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các công ty con như sau:

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế (chiếm 51% vốn điều lệ);
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mêkong (chiếm 100% vốn điều lệ);
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC – Sài Gòn (chiếm 100% vốn điều lệ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các bên liên quan

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (Công ty mẹ chiếm 59,2% vốn điều lệ)
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày cuối kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-10
Máy móc, thiết bị	05-25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	03-05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không được phân bổ do thời gian sử dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	534.934.599	3.294.222.839
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.713.768.348	15.068.803.125
Cộng	<u>13.248.702.947</u>	<u>18.363.025.964</u>

6. KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thanh Xuân với thời hạn 06 tháng Đây là khoản tiền nhận được từ đợt tăng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu đợt 2 cho cổ đông hiện hữu (với số lượng cổ phiếu phát hành là 10.059.480 cổ phiếu, giá chào bán là 20.000 đồng/ cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>188.849.214.877</i>	<i>235.421.009.628</i>
Công Ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.473.458.679	26.263.779.532
Phải thu khách hàng khác	172.375.756.198	209.157.230.096
Cộng	188.849.214.877	235.421.009.628
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.545.016.711)	(47.166.025.416)
Giá trị thuần của khoản phải thu ngắn hạn khách hàng	155.304.198.166	188.254.984.212

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>14.337.489.119</i>	<i>(5.439.568.593)</i>	<i>10.413.687.083</i>	<i>(4.671.394.788)</i>
- Ký cược, ký quỹ	24.790.320	-	359.389.341	-
- Phải thu về cổ phần hoá	57.400.000	-	81.967.360	-
- Tạm ứng	4.152.318.688	(710.286.453)	2.942.784.993	(5.943.325)
- Phải thu khác	10.102.980.111	(4.729.282.140)	7.029.545.389	(4.665.451.463)
<i>b) Dài hạn</i>	<i>120.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Ký cược, ký quỹ	120.000.000	-	-	-
Cộng	14.457.489.119	(5.439.568.593)	10.413.687.083	(4.671.394.788)

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi	33.545.016.711	47.166.025.416
Dự phòng cho các khoản trả trước người bán	511.048.412	513.576.695
Dự phòng cho phải thu ngắn hạn khác	5.439.568.593	4.671.394.788
Cộng	39.495.633.716	52.350.996.899

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tại ngày 01/01	52.350.996.899	22.108.641.145
Trích dự phòng trong năm	15.212.032.125	39.274.366.805
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.315.193.632)	(9.032.011.051)
Xử lý nợ khó đòi trong năm (xem thuyết minh số 22) (i)	(24.752.201.676)	-
Tại ngày 31/12	39.495.633.716	52.350.996.899

(i) Trong năm, Công ty đã xử lý xóa các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	10.523.831.370	-	19.418.104.466	-
Nguyên liệu, vật liệu	68.694.132.199	888.418.782	48.704.760.161	1.966.454.305
Công cụ, dụng cụ	5.418.565.219	-	4.832.550.264	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.358.709.069	-	8.175.471.801	-
Thành phẩm	99.769.607.774	4.680.787.811	96.281.020.642	4.973.631.442
Hàng hóa	4.147.256.702	247.055.547	9.723.870.020	4.862.464.978
Cộng	203.572.540.469	5.816.262.140	187.135.777.354	11.802.550.725

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tại ngày 01/01	11.802.550.725	4.803.338.000
Trích dự phòng trong năm	1.492.310.425	8.030.740.261
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.749.161.941)	(1.031.527.536)
Xử lý dự phòng hàng tồn kho trong năm (i)	(5.729.437.069)	-
Tại ngày 31/12	5.816.262.140	11.802.550.725

(i) Trong kỳ, Công ty đã xử lý hủy hàng tồn kho đã được trích lập dự phòng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.942.711.812	4.119.471.948
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.488.959.392	3.482.331.948
Chi phí thuê kho, thuê bằng được sử	453.752.420	637.140.000
b) Dài hạn	5.404.673.314	1.777.939.008
Chi phí bảo trì cải tạo nhà máy	5.404.673.314	1.769.441.170
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	8.497.838

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

a) Phải thu

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế nhập khẩu nộp thừa	350.943.322	11.158.544	-	339.784.778
Thuế TNDN nộp thừa	-	-	42.022.625	42.022.625
Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa	2.598.610	-	-	2.598.610
Cộng	353.541.932	11.158.544	42.022.625	384.406.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)

b) Phải nộp

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	191.215.549	26.129.269.113	24.992.943.341	1.327.541.321
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.225.331.898	2.225.331.898	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.420.427.539	17.852.379.087	15.048.607.934	7.224.198.692
Thuế thu nhập cá nhân	145.407.948	365.900.671	457.552.967	53.755.652
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	901.702.230	901.702.230	-
Các loại thuế khác	-	21.838.551	21.838.551	-
Cộng	4.757.051.036	47.496.421.550	43.647.976.921	8.605.495.665

13. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	90.788.287.936	330.612.978.460	14.015.748.879	1.387.867.127	98.525.455	436.903.407.857
- Mua trong năm	61.643.914	4.007.359.955	8.026.252.292	197.360.000	-	12.292.616.161
- Phân loại sang tài sản cố định vô hình	(3.010.870.000)	-	-	-	-	(3.010.870.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(637.153.288)	(1.278.547.593)	-	-	(1.915.700.881)
Tại ngày 31/12/2015	87.839.061.850	333.983.185.127	20.763.453.578	1.585.227.127	98.525.455	444.269.453.137
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	27.166.666.836	225.144.993.679	8.314.942.463	1.202.218.848	46.405.490	261.875.227.316
- Khấu hao trong năm	3.048.311.628	14.861.049.916	1.412.855.607	64.171.182	-	19.386.388.333
- Thanh lý, nhượng bán	-	(637.153.288)	(1.278.547.593)	-	-	(1.915.700.881)
Tại ngày 31/12/2015	30.214.978.464	239.368.890.307	8.449.250.477	1.266.390.030	46.405.490	279.345.914.768
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	63.621.621.100	105.467.984.781	5.700.806.416	185.648.279	52.119.965	175.028.180.541
Tại ngày 31/12/2015	57.624.083.386	94.614.294.820	12.314.203.101	318.837.097	52.119.965	164.923.538.369

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 87.053.971.886 VND (tại ngày 31/12/2014 là 86.401.379.151 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 125.384.383.629 VND (tại ngày 31/12/2014 là 85.305.191.920 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	17.140.222.527	569.916.700	17.710.139.227
- Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (i)	3.010.870.000	-	3.010.870.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>20.151.092.527</u>	<u>569.916.700</u>	<u>20.721.009.227</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	-	185.972.600	185.972.600
- Khấu hao trong năm	-	60.786.241	60.786.241
Tại ngày 31/12/2015	-	<u>246.758.841</u>	<u>246.758.841</u>
Giá trị còn lại			-
Tại ngày 01/01/2015	<u>17.140.222.527</u>	<u>383.944.100</u>	<u>17.524.166.627</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>20.151.092.527</u>	<u>323.157.859</u>	<u>20.474.250.386</u>

- (i) Khoản phân loại lại trong kỳ là Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại chi nhánh Sóc Trăng, Đà Nẵng và Hà Nội từ tài sản cố định hữu hình sang tài sản cố định vô hình và không trích khấu hao.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất với nguyên giá tại ngày 31/12/2015 là 3.146.955.000 VND (ngày 31/12/2014 là 11.973.503.400 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

15. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Cải tạo hệ thống nước thải Caps	-	154.398.000
Chi phí kiểm định nhà máy theo tiêu chuẩn EU-GMP	84.458.000	-
Cộng	<u>84.458.000</u>	<u>154.398.000</u>

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm tài chính trước:

	Chi phí phải trả VND	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Dự phòng giảm giá khoản đầu tư VND	Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	1.549.157.229	-	537.885.820	-	366.307.562	(201.562.145)	847.006.406	3.176.328.517
Chuyển sang lợi nhuận / (lỗ) trong năm	(162.444.247)	1.094.356.550	440.751.256	872.724	286.274.538	-	(330.721.740)	1.251.555.436
Tại ngày 01/01/2015	1.386.712.982	1.094.356.550	978.637.076	872.724	652.582.100	(201.562.145)	516.284.666	4.427.883.953
Chuyển sang lợi nhuận / (lỗ) trong năm	622.378.589	(1.094.356.550)	(22.467.841)	(872.724)	61.586.875	(20.156.215)	(516.284.666)	(970.172.532)
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.009.091.571</u>	-	<u>956.169.235</u>	-	<u>714.168.975</u>	<u>(221.718.360)</u>	-	<u>3.457.711.421</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	31.226.695.262	31.226.695.262	42.602.958.178	42.602.958.178
Nectar Lifesciences Co.,Ltd	-	-	5.991.372.000	5.991.372.000
Gelita Deutschland GMBH - Đức	-	-	9.688.176.000	9.688.176.000
Sinobright Pharmaceutical Co.,Ltd	214.740.900	214.740.900	1.038.929.400	1.038.929.400
Công ty CP Thương mại SX Oai Hùng - TPHCM	5.081.521.160	5.081.521.160	1.380.811.874	1.380.811.874
Phải trả cho các đối tượng khác	25.930.433.202	25.930.433.202	24.503.668.904	24.503.668.904

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	136.562.851	237.743.526
Chi phí hỗ trợ bán hàng	6.012.522.505	4.714.012.632
Chi phí thuê quầy	-	971.000.000
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	95.000.000	600.000.000
Chi phí phải trả khác	478.982.000	648.552.280
Cộng	6.723.067.356	7.171.308.438

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	165.325.508	165.325.508
- Kinh phí công đoàn	53.211.581	335.446.341
- Bảo hiểm xã hội	17.958.917	666.725.956
- Bảo hiểm y tế	254.259	103.646.437
- Bảo hiểm thất nghiệp	262.311	54.191.102
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	450.681.926	102.283.021
Cộng	687.694.502	1.427.618.365
b) Dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.346.223.796	4.893.185.378
Cộng	4.346.223.796	4.893.185.378

Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác phản ánh khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động. Từ ngày 01/01/2015, Công ty tạm dừng trích trợ cấp thôi việc theo Quyết định số 22/CTD ngày 01/01/2015 của Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	145.803.655.507	145.803.655.507	587.889.954.439	514.238.047.596	219.455.562.350	219.455.562.350
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh	-	-	35.455.562.350	-	35.455.562.350	35.455.562.350
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long (i)	111.535.374.517	111.535.374.517	552.434.392.089	479.969.766.606	184.000.000.000	184.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vĩnh Long (ii)	12.607.402.813	12.607.402.813	-	12.607.402.813	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ (iii)	20.477.278.475	20.477.278.475	-	20.477.278.475	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.183.599.702	1.183.599.702	-	1.183.599.702	-	-
b) Vay dài hạn	2.367.199.405	2.367.199.405	6.433.859.702	8.801.059.107	-	-
Vay trung hạn TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long (iv)	368.166.795	368.166.795	5.434.343.398	5.802.510.193	-	-
Vay trung hạn Ngân hàng Shinhan (v)	1.999.032.610	1.999.032.610	999.516.304	2.998.548.914	-	-

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay số 2939/2014/74762/HĐTD ngày 03 tháng 7 năm 2004, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho kinh doanh dược, bảo lãnh, mở LC; với hạn mức vay là 330 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với lãi suất vay theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản là nhà xưởng, máy móc thiết bị của nhà máy Capsule và nhà máy kháng sinh; máy móc thiết bị của nhà máy Vikimco, quyền sử dụng đất tại Nghệ An (xem thuyết minh số 13 và số 14).

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Vĩnh Long theo hợp đồng vay số 11/HĐHM-VLO.KH ngày 14 tháng 10 năm 2015, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh; với hạn mức vay là 100 tỷ VND, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ, với lãi suất vay 6%/năm và thay đổi theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là Quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số 14).

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng vay số 391.15.451.345764.TD ngày 01 tháng 8 năm 2015, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho kinh doanh dược, bảo lãnh, mở LC; với hạn mức vay là 60 tỷ VND, thời hạn cho vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ, với lãi suất vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ.

(iv) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:

Hợp đồng vay số 0011/2015/742762/HĐTD ngày 04/11/2015, với mục đích đầu tư 02 máy ép thuốc gói đứng – bột; hạn mức vay là 198 triệu VND, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 7,5%/năm cho 12 tháng đầu tiên và theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần cho thời gian còn lại. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tại ngày 31/12/2015, khoản vay gốc của hợp đồng vay này là 198.000.000 VND.

Hợp đồng vay số 5851/2015/742762/HĐTD ngày 26/11/2015, với mục đích mua máy đóng gói viên thuốc; lắp đặt hệ thống điều hòa không khí và panel cho công trình “xây dựng phòng sùi”; hạn mức vay là 2.045.336.330 VND, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 7,5%/năm cho năm đầu tiên và theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần cho thời gian còn lại. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tại ngày 31/12/2015, khoản vay gốc của hợp đồng vay này là 354.250.192 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ (Tiếp theo)

- (v) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo các hợp đồng: Hợp đồng vay số 130000299119 ngày 10/8/2015 và hợp đồng vay số 130000299126 ngày 10/8/2015, với mục đích mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải để phục vụ kinh doanh và mở LC; hạn mức vay là 15 tỷ VND (hoặc 700.000 USD), thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay 7,5%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải tọa lạc tại trụ sở Công ty (xem thuyết minh số 13).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015
	VND
Trong vòng một năm	1.183.599.702
Phải trả từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.367.199.405
Cộng	3.550.799.107
Trừ số phải trả trong 12 tháng (Được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.183.599.702
Số phải trả sau 12 tháng	2.367.199.405

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	99.136.920.000	110.087.161.661	9.017.858.890	47.918.109.402	7.715.878.889	6.078.017.182	-	20.166.850	279.974.112.874
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	31.700.122.110	-	-	31.700.122.110
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	(102.745.700)	-	-	(102.745.700)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.948.215.200)	-	-	(5.948.215.200)
Số dư tại ngày 01/01/2015	99.136.920.000	110.087.161.661	9.017.858.890	47.918.109.402	7.715.878.889	31.727.178.392	-	20.166.850	305.623.274.084
Phân loại lại theo Thông tư 200 trong kỳ	-	-	-	7.715.878.889	(7.715.878.889)	1.221.927.717	(1.221.927.717)	-	-
Tăng vốn trong năm (i)	102.052.680.000	101.323.764.420	-	-	-	-	-	-	203.376.444.420
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	60.620.421.134	(280.568)	-	60.620.140.566
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	-	-	(2.000.000.000)
Giảm khác	-	(121.459.091)	-	-	-	-	-	-	(121.459.091)
Số dư tại ngày 31/12/2015	201.189.600.000	211.289.466.990	9.017.858.890	55.633.988.291	-	91.569.527.243	(1.222.208.285)	20.166.850	567.498.399.979

- (i) Công ty tăng vốn theo phương án phát hành thêm cổ phiếu đợt 1 cho người lao động với số lượng cổ phiếu phát hành là 145.788 cổ phiếu, giá chào bán là 15.000 VND/cổ phiếu và theo phương án phát hành thêm cổ phiếu đợt 2 cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu phát hành là 10.059.480 cổ phiếu, giá chào bán là 20.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHCĐ ngày 13/03/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Nghị quyết số 02/NQ.HĐQT ngày 09/04/2015 của Hội đồng quản trị, công văn chấp thuận số 2112/UBCK-QLPH ngày 06/05/2015 và Giấy chứng nhận - Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 41/GCN-UBCK ngày 26/6/2015 của UBCKNN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.118.960	10.059.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.118.960	9.913.692
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.118.960</i>	<i>9.913.692</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.118.960	9.913.692
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.118.960</i>	<i>9.913.692</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

Cổ đông	31/12/2015			01/01/2015	
	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Số tiền (VND)
Nguyễn Tuấn Khải	-	-	-	2.000.000	20.000.000.000
Đỗ Văn Khá	-	-	-	1.603.600	16.036.000.000
Công ty CP Đầu tư F.I.T	11.909.580	119.095.800.000	59,2%	-	-
Cổ đông khác	8.209.380	82.093.800.000	40,8%	6.310.092	63.100.920.000
Cộng	20.118.960	201.189.600.000	100,0%	9.913.692	99.136.920.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

NGOẠI TỆ

	31/12/2015	01/01/2015
	USD	USD
Đô la Mỹ	6.730,93	21.465,00

Nợ khó đòi đã xử lý:

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ tại ngày 31/12/2015 là:

	31/12/2015
	VND
Khách hàng khu vực miền Bắc	1.940.872.484
Khách hàng khu vực Tp. Hồ Chí Minh	22.811.329.192
Cộng	24.752.201.676

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	37.972.587.108	64.379.153.788
Doanh thu bán sản phẩm	636.260.363.162	655.333.720.382
Doanh thu cung cấp dịch vụ	159.007.704	-
Cộng	674.391.957.974	719.712.874.170
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.827.271.783	10.148.242.229
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán;	-	433.654.717
- Hàng bán bị trả lại.	4.827.271.783	9.714.587.512

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán;	32.202.089.134	51.914.014.812
Giá vốn của thành phẩm đã bán;	431.980.305.478	410.825.024.022
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	111.305.393	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;	(256.851.516)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	6.999.212.725
Cộng	464.036.848.489	469.738.251.559

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	384.690.472.817	368.598.217.136
Giá vốn hàng hóa đã bán	31.036.818.658	48.878.356.003
Chi phí nhân công	74.862.360.923	64.575.965.039
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.447.174.574	21.497.620.019
Chi phí khác	96.228.968.317	137.492.181.703
Cộng	606.265.795.289	641.042.339.900

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.058.978.757	60.290.680
Lãi chênh lệch tỷ giá	465.693.451	174.290.054
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.480.128	-
Cộng	3.566.152.336	234.580.734

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.604.234.445	21.740.848.781
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	380.626.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	49.212.716
Chi phí tài chính khác	1.406.178.062	140.000
Cộng	14.010.412.507	22.170.827.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	21.379.531.853	17.725.304.837
Chi phí đồ dùng văn phòng	228.380.584	226.759.299
Chi phí khấu hao	1.581.262.715	1.473.925.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.067.549.642	70.807.434.457
Chi phí bằng tiền khác	31.556.711.070	25.032.643.799
Cộng	76.813.435.864	115.266.067.775
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	18.109.007.161	13.728.219.608
Chi phí đồ dùng văn phòng	248.318.277	304.919.165
Chi phí khấu hao	844.116.773	727.214.495
Chi phí dự phòng	11.898.838.493	30.242.355.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.834.291.556	830.873.748
Chi phí bằng tiền khác	7.286.123.536	17.374.628.391
Cộng	40.220.695.796	63.208.211.161

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.442.692.185	40.259.383.862
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.704.485.483	8.687.323.297
Cộng cho các khoản		
<i>Lỗ tại Công ty TNHH MTV Dược phẩm Mê Kông</i>	<i>106.883.640</i>	<i>199.843.818</i>
<i>Lỗ tại Công ty Liên doanh SXKD, XNK Dược phẩm và</i>		
<i>Trang thiết bị Y tế</i>	<i>738.400</i>	<i>519.773.353</i>
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	1.596.863.443	7.967.706.126
Thu nhập chịu thuế	81.147.177.668	48.946.707.159
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 22%	81.147.177.668	1.073.787.827
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 20%	-	47.872.919.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.852.379.087	9.810.817.188

Năm 2014 là năm cuối cùng Công ty mẹ được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Từ ngày 01/01/2015, Công ty mẹ và các công ty con đều có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế xuất thông thường với tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm	60.620.421.134	31.700.122.110
Trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích lập	-	2.000.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	60.620.421.134	29.700.122.110
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	12.583.690	9.913.692
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.817	2.996

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	148.170.854.912	219.455.562.350
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	13.248.702.947	18.363.025.964
Nợ thuần	134.922.151.965	201.092.536.386
Vốn chủ sở hữu	567.498.399.979	305.623.274.084
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,24	0,66

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.248.702.947	18.363.025.964	13.248.702.947	18.363.025.964
Phải thu khách hàng và phải thu khác	160.880.086.457	190.181.525.478	160.880.086.457	190.181.525.478
Đầu tư tài chính ngắn hạn	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Tổng cộng	374.128.789.404	208.544.551.442	374.128.789.404	208.544.551.442
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	148.170.854.912	219.455.562.350	148.170.854.912	219.455.562.350
Phải trả người bán và phải trả khác	31.677.377.188	44.030.576.543	31.677.377.188	44.030.576.543
Chi phí phải trả	6.723.067.356	7.171.308.438	6.723.067.356	7.171.308.438
Tổng cộng	186.571.299.456	270.657.447.331	186.571.299.456	270.657.447.331

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.248.702.947	-	13.248.702.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	160.760.086.457	120.000.000	160.880.086.457
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Tổng cộng	374.008.789.404	120.000.000	374.128.789.404
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	145.803.655.507	2.367.199.405	148.170.854.912
Phải trả người bán và phải trả khác	31.677.377.188	-	31.677.377.188
Chi phí phải trả	6.723.067.356	-	6.723.067.356
Tổng cộng	184.204.100.051	2.367.199.405	186.571.299.456
Chênh lệch thanh khoản thuần	189.804.689.353	(2.247.199.405)	187.557.489.948
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.363.025.964	-	18.363.025.964
Phải thu khách hàng và phải thu khác	190.181.525.478	-	190.181.525.478
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Tổng cộng	208.544.551.442	-	208.544.551.442
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	219.455.562.350	-	219.455.562.350
Phải trả người bán và phải trả khác	44.030.576.543	-	44.030.576.543
Chi phí phải trả	7.171.308.438	-	7.171.308.438
Tổng cộng	270.657.447.331	-	270.657.447.331
Chênh lệch thanh khoản thuần	(62.112.895.889)	-	(62.112.895.889)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và lương Ban Tổng Giám đốc	1.890.101.813	1.027.577.413
	<u>1.890.101.813</u>	<u>1.027.577.413</u>

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.



Lương Văn Hóa
Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Lâm Minh Thương
Người lập biểu

Trần Huệ Nga
Kế toán trưởng